

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 02-6-2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Kim.

+ Ông Nguyễn Văn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N** - Sinh năm: 1991, địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

* *Bị đơn:* Anh **Đỗ Hữu T** - Sinh năm: 1990; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2023, bản tự khai ngày 30/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Hữu T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/05/2011 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Do anh T hay ghen tuông vô cớ, đã nhiều lần đánh chị, hơn mười năm qua chị cố gắng nhẫn nhịn nhưng anh T không sửa đổi, chị và anh T sống ly thân từ Tết nguyên đán năm 2022, cụ thể là chị và anh T về quê của chị thì anh T với mẹ ruột của chị và cha dượng có phát sinh mâu thuẫn, anh T có những lời nói không hay với mẹ của chị làm cho mâu thuẫn giữa đôi bên càng trở nên gay gắt hơn. Chị không về quê chồng để sống mà ở lại Cà Mau để sinh sống cho đến nay. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn;

Về con chung: Chị và anh T có hai người con chung là: Đỗ Quang H - Sinh ngày 09/11/2012 và Đỗ Nguyễn Thanh N1 - Sinh ngày 10/02/2017 (cả hai người con này hiện nay đang sống chung với chị). Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi cả hai người con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Chị Như không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Chị N trình bày là không có.

Tại Bản tự khai ngày 30/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đỗ Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị N về việc đăng ký kết hôn, cũng như việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì anh T cho rằng: Do chị N có quen biết với người đàn ông khác, không rõ ràng, minh bạch trong việc sử dụng điện thoại, nghe điện thoại xong thì xóa cuộc gọi, anh hỏi ai gọi thì chị N không nói mà đòi ly hôn rồi cho rằng chị N sống không bằng những chị em khác và do tính nóng nên anh có đánh chị N. Tết nguyên đán năm 2022 vừa qua, anh và chị N về quê của chị N thì có mâu thuẫn với mẹ vợ do mẹ vợ xúi giục chị N ly hôn với anh vì anh đi thăm cha vợ trong khi cha vợ và mẹ vợ đã ly hôn. Trước yêu cầu ly hôn của chị N thì anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, thương con nên mong muốn được đoàn tụ để chăm lo cho gia đình và các con. Trường hợp Tòa án giải quyết anh và chị N phải ly hôn thì anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết anh và chị N phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi hai người con chung là: Đỗ Quang H - Sinh ngày 09/11/2012 và Đỗ Nguyễn Thanh N1 - Sinh ngày 10/02/2017 (cả hai người con đang sống chung với chị N), anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Chị yêu cầu ly hôn với anh T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, yêu cầu được nuôi hai người con chung là: Đỗ Quang H - Sinh ngày 09/11/2012 và Đỗ Nguyễn Thanh N1 - Sinh ngày 10/02/2017, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ.

Anh T trình bày: Anh không đồng ý ly hôn với chị N, trường hợp Tòa án giải quyết anh và chị N phải ly hôn thì anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi người con lớn là Đỗ Quang H - Sinh ngày 09/11/2012, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và tranh bày là không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đỗ Hữu T.

(2) *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị N được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị N với anh T là: Đỗ Quang H - Sinh ngày 09/11/2012 và Đỗ Nguyễn Thanh N1 - Sinh ngày 10/02/2017 (cả hai người con đang sống chung với chị N), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Như k yêu cầu.

(3) *Về tài sản chung, về nợ chung:* Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với anh T có địa chỉ tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị N, anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[2.2] Chị N yêu cầu ly hôn, nhưng anh T không đồng ý ly hôn; trên cơ sở lời trình bày của chị N, anh T và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, có tranh cãi nhưng không tự trao đổi, hòa giải với nhau được mà phải sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, anh chị cũng không thương lượng để hàn gắn, đoàn tụ được mà mạnh ai nấy sống; bên cạnh đó trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, chị N đều kiên quyết ly hôn với anh T; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Chị N yêu cầu được quyền nuôi hai người con chung là: Đỗ Quang H - Sinh ngày 09/11/2012 và Đỗ Nguyễn Thanh N1 - Sinh ngày 10/02/2017. Anh T yêu cầu nuôi người con lớn là Đỗ Quang H. Xét thấy: Người con nhỏ (Đỗ Nguyễn Thanh N1) của chị N và anh T chưa đủ bảy tuổi, người con lớn là Đỗ Quang H đã trên bảy tuổi nhưng chưa đủ mười tám tuổi. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ bảy tuổi trở lên thì phải xem xét đến nguyện vọng của con”*.

Chị N, anh T đều có khả năng lao động để nuôi con, tuy nhiên tại Biên bản về việc hỏi ý kiến của người con từ đủ bảy tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình ngày 30/3/2023, cháu Đỗ Quang H có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ là Nguyễn Thị N; bên cạnh đó, kể từ khi sống ly thân thì chị N là người trực tiếp nuôi hai người con, do vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của con chung nên giao cho chị N được quyền tiếp tục nuôi hai người con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày

Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đỗ Hữu T.

2/ Về con chung:

Chị Nguyễn Thị N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh Đỗ Hữu T là: Đỗ Quang H - Sinh ngày 09/11/2012 và Đỗ Nguyễn Thanh N1 - Sinh ngày 10/02/2017 (cả hai người con hiện đang sống chung với chị N) cho đến khi hai người con đủ mười tám tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Như k yêu cầu.

Anh Đỗ Hữu T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị N có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Vì lợi ích của con chung, chị N, anh T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002449 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị N, anh Đỗ Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên

